

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2022/DS-PT

Ngày 12-9-2022

“V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thu.

Ông Lê Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 về “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 181/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Đình P, sinh năm: 1938, nơi cư trú: Ấp T, xã P2, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông Phạm Thuận N, sinh năm: 1961; nơi cư trú: Ấp L, xã P2, huyện C, tỉnh Long An. (văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 8 năm 2022).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm: 1950, nơi cư trú: Ấp T, xã P2, huyện C, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1942, nơi cư trú: Ấp T, xã P2, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: Ông Phạm Thuận N, sinh năm: 1962, nơi cư trú: Ấp L, xã P2, huyện C, tỉnh Long An. (văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 11 năm 2021).

3.2. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm; 1953, nơi cư trú: Ấp T, xã P2, huyện C, tỉnh Long An.

3.3 Ông Phạm Hồng M, sinh năm: 1967, nơi cư trú: Ấp T, xã P2, huyện C, tỉnh Long An.

3.4. Bà Phạm Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1976, nơi cư trú: Ấp T, xã P2, huyện C, tỉnh Long An.

3.5. Cháu Phạm Ngọc Kim Y1, sinh năm: 2008, nơi cư trú: Ấp T, xã P2, huyện C, tỉnh Long An.

3.6. Cháu Phạm Hồng P1, sinh ngày 13/7/2013, nơi cư trú: Ấp T, xã P2, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của cháu Y1, cháu P1: Bà Phạm Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1976, nơi cư trú: Ấp T, xã P2, huyện C, tỉnh Long An.

4. Người làm chứng:

4.1. NLC1.

4.2. NLC2.

4.3. NLC3.

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 23 tháng 11 năm 2021 cùng những lời trình bày của ông Phạm Thuận N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Đình P như sau:

Ông P được Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12 tháng 5 năm 1998 thửa đất số 97, tờ bản đồ số 3, loại đất CLN, diện tích được cấp là 915m², đất tại xã P2, huyện C, tỉnh Long An. Cách 03-04 năm ông S đã cho con ruột là Phạm Thị Ngọc Đ và con rể là Phạm Hồng M san lấp cát và xây dựng công trình trên phần đất thuộc mpt 97 của ông P, ông P có ngăn cản.

Nguồn gốc đất do ông Huỳnh Phước H tặng cho, ông sử dụng ổn định, trồng mía, khoảng 10 năm ông không sử dụng do đất bị ngập nước, cỏ mọc nhiều nên không trồng mía được; trên đất có những ngôi mộ không rõ nguồn gốc. Ông S cho con ông M và bà Đ phần đất của ông S xây nhà, sau đó ông M và bà Đ san lấp cát qua phần đất của ông P và khi cát một phần chòi tạm trên phần đất này ông P không đồng ý và có ý kiến phản đối nhưng ông M và bà Đ vẫn tiến hành. Vì vậy, bắt đầu xảy ra tranh chấp nên ông không đồng ý bồi thường giá trị san lấp cát và tài sản trên đất cho ông M và bà Đ.

Nay yêu cầu ông Phạm Văn S trả lại phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế tại vị trí B1 là 101m² thuộc mpt số 97, tờ bản đồ số 03, loại đất CLN, đất tọa lạc tại Ấp T, xã P2, huyện C, tỉnh Long An. Đồng thời, yêu cầu ông Phạm Hồng M, bà Phạm Thị Ngọc Đ và cháu Phạm Ngọc Kim Y1, cháu Phạm Ngọc Hồng P1 tháo dỡ, dời nhà tạm và tài sản trên đất tại vị trí B1 để trả lại đất cho ông P.

Đối với phần diện tích đất tại khu A1 có diện tích 104m² thuộc một phần thửa đất số 98, tờ bản đồ số 03, loại đất BHK, đất tọa lạc tại Ấp T, xã P2, huyện C, tỉnh Long An do ông S đứng tên nên ông tự nguyện trả lại phần diện tích trên. Đối với vị trí C1 không tranh chấp.

Vị trí B1 theo mảnh trích đo địa chính số địa chính số 98 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Hưng Phú đo vẽ đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 02 tháng 02 năm 2021.

Bị đơn ông Phạm Văn S có lời trình bày như sau: Ông S là chủ sử dụng thửa đất số 98, tờ bản đồ số 3 loại đất BHK, diện tích được cấp là 662m², đất tại xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Nguồn gốc phần đất này là do ông S nhận chuyển nhượng phần đất thuộc thửa đất số 98 từ ông Huỳnh Phước L1 vào năm 1992 với giá nhận chuyển nhượng là 01 (một) chỉ vàng 24 kara và 100.000 đồng. Khi nhận chuyển nhượng, hai bên không có đo đạc thực tế, giữa thửa 97 và thửa 98 không có ranh giới cụ thể. Ông S sử dụng phần đất này để trồng lúa liên tục cho đến nay.

Theo ông S biết, khu vực đất ông sử dụng chỉ tiếp giáp với đất của ông Đ (đã chết), ngoài ra thì không có đất của ông Phạm Đình P tại khu vực này. Trước đây chỉ có bờ ranh nhỏ giữa đất ông S và đất ông Đ, phía ông Phạm Đình P có trồng mía, cây cối trên bờ thửa này như ông N trình bày. Vì vậy, ông S không đồng ý trả lại cho ông P phần đất có diện tích tại vị trí B1 có diện tích là 101m² thuộc mpt số 97, tờ bản đồ số 03, loại đất CLN, đất tọa lạc tại Ấp T, xã P2, huyện C, tỉnh Long An. Hiện trên khu B1, ông S đã cho con của ông là bà Đ, ông M san lấp, cất chòi tạm để ở khoảng 03-04 năm nay; ngoài ra trên phần đất tranh chấp còn có những ngôi mộ, không rõ nguồn gốc.

Đối với phần đất tại vị trí A1 có diện tích 104m² thuộc một phần thửa đất số 98, tờ bản đồ số 03, loại đất BHK, đất tọa lạc tại Ấp T, xã P2, huyện C, tỉnh Long An hiện ông S đang quản lý sử dụng, không tranh chấp và không tranh chấp vị trí C1. Ông S đồng ý với Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 98 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Hưng Phú đo vẽ đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 02 tháng 02 năm 2021.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y trình bày: Quyền sử dụng thửa 98 là tài sản chung của vợ chồng ông S và bà Y. Bà Y thống nhất với lời trình bày của ông S và không có ý kiến gì thêm.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị A là ông Phạm Thuận N trình bày: Quyền sử dụng thửa 97 là tài sản chung của vợ chồng ông P và bà A. Bà A thống nhất với lời trình bày của ông P và không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc Đ, ông Phạm Hồng M thống nhất trình bày: Công trình phụ và phần cát san lấp tọa lạc tại một phần khu A1 và B1 theo Mảnh trích đo địa chính số 98 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Hưng Phú đo vẽ đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 02 tháng 02 năm 2021 là tài sản của ông M và bà Đ. Cách đây khoảng 03-04 năm, ông S có tặng cho riêng bà Đ phần đất, sau đó ông S cất nhà cho bà Đ ở. Trong nhà có 04 người sinh sống gồm ông M, bà Đ, cháu P1 và cháu Y1. Khi ông M và bà Đ đổ cát san lấp và cát chồi tạm, công trình phụ trên đất tại vị trí B1 thì ông P không đồng ý.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông P thì bà Đ và ông M không đồng ý. Tại phiên tòa, ông M và bà Đ cho rằng phần đất tranh chấp chưa biết thuộc quyền sử dụng của ai nên ông M và bà Đ không có ý kiến liên quan đến giá trị tài sản và công trình trên đất, giá trị cát san lấp. Ngoài ra trên phần đất tranh chấp còn có những ngôi mộ, không biết của ai.

Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đã căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 158, 175 Bộ luật Dân sự; các Điều 166, 170 Luật đất đai và Điều 12 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P đối với ông S về việc buộc ông S, bà Y trả lại quyền sử dụng đất.

Buộc ông S và bà Y trả lại cho ông P và bà A phần đất khu B1 có diện tích 101m², thuộc một phần thửa đất số 97, tờ bản đồ số 3, loại đất CLN, đất tại xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P đối với ông M, bà Phạm Đ, cháu Y1 cháu P1 về việc tháo dỡ tài sản trên phần đất tại khu B1.

Buộc ông M, bà Đ và cháu Y1, cháu P1 tháo dỡ, dời nhà tạm ở vị trí số 3 thuộc khu B1 để trả lại cho ông P, bà A phần diện đất tại khu B1.

Tài sản trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc lập ngày 30 tháng 12 năm 2019, ngày 18 tháng 4 năm 2022; Chứng thư thẩm định giá tài sản số 89/19/03/2021/TĐG LA-BDS ngày 19 tháng 3 năm 2021 và số 81/14/04/2022/TĐG LA-BDS ngày 14 tháng 4 năm 2022 do Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức lập.

Ông S, bà Y được tiếp tục sử dụng phần đất có diện tích tại khu A1 có diện tích 04 m² thuộc một phần thửa đất số 98, tờ bản đồ số 3, loại đất BHK, đất tại xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Vị trí khu B1, A theo Mảnh trích đo địa chính số 98 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Hưng Phú đo vẽ đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 02 tháng 02 năm 2021.

Về chi phí đo đạc, định giá và thẩm định với số tiền là 19.400.000 đồng: Buộc ông M phải chịu là 3.900.000 đồng (đã nộp xong). Ông P tự nguyện chịu 7.750.000 đồng (đã nộp xong). Ông S và bà Y phải chịu 7.750.000 đồng, do ông P đã nộp tạm ứng nên ông S và bà Y phải hoàn trả cho ông P 7.750.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông P, bà A, ông S, bà Y được miễn án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, bị đơn ông S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông S vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn ông P ủy quyền cho ông N có lời trình bày: Qua kết quả đo đạc thể hiện phần đất tại vị trí B1 do ông P đứng tên QSDĐ hợp pháp và phần đất năm 1975 ông P có sử dụng để trồng hoa màu sau đến năm 1987 và 1988 trồng mía và 05 năm nay thì ngừng sử dụng do cỏ mọc nhiều không sử dụng có hiệu quả. Đến khoảng từ 3-4 năm gần đây thì con ông S san lấp lấn chiếm phần đất trên nên phát sinh tranh chấp. Việc ông S cho rằng ông P không có đất tại vị trí này là hoàn toàn không đúng vì thực tế trên giấy chứng nhận QSDĐ ông P được Ủy ban cấp giấy hợp pháp. Ông S cho rằng phần đất trên do người khác cho ông là không đúng vì ông S mới về sinh sống sau này nên không biết các thửa giáp ranh là đất của ai.

Bị đơn ông S có lời trình bày: Phần đất tranh chấp tại vị trí B1 là của người khác cho ông vì thấy ông có công tu bổ vát và nên đồng ý cho ông phần này, việc cho chỉ nói miệng. Phần tại vị trí B1 trước đây là lối đi, ông P tự ý trồng hoa màu sau đó ngưng chứ đất ông P không giáp ranh với thửa đất của ông. Người cho phần đất trên đã chết và để lại thửa đất giáp ranh cho con gái, họ có biết việc tranh chấp phần đất trên giữa ông và ông P nhưng họ không có yêu cầu và không đồng ý ra Tòa để trình bày. Nên ông không cung cấp được thông tin và không yêu cầu triệu tập đến Tòa.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Phần tranh chấp tại vị trí B1 thuộc một phần thửa 97 do ông P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc do ông Huỳnh Phước H tặng cho. Giáp ranh là thửa 98 của ông S nhận chuyển nhượng từ ông Lộc vào năm 1992, ông S trình bày vị trí B1 do người khác cho ông sử dụng nhưng không có giấy tờ gì chứng minh cho. Phần B1 ông P trước đây có trồng hoa màu và mía, ông S thừa nhận có thấy ông P trồng hoa màu nhưng là tự ý trồng. Việc cấp giấy cho các bên trước đây không đo đạc và ký ranh. Căn cứ vào trích đo thể hiện vị trí B1 là đất ông P đứng tên và tại phiên tòa ông S thừa nhận đất tại vị trí B1 của người khác. Từ căn cứ trên đề nghị bác kháng cáo của ông S.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST, ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn ông S hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông S thấy rằng: Đối với phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 97, diện tích 101m² tại vị trí B1 theo mảnh trích đo số 98 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Hưng Phú đo vẽ có nguồn gốc từ ông Huỳnh Phước H tặng cho ông P, được Ủy ban cấp giấy cho ông P vào năm 1998. Ông P sử dụng trồng mía, khoảng thời gian cách nay từ 3- 4 năm thì ông S cho phần đất tại vị trí B1 cho con là ông M và bà Đ; sau đó ông M và bà Đ tiến hành san lấp cát để xây nhà tạm thì ông P có can ngăn, điều này 02 bên đều thừa nhận. Hiện nay phần đất tại vị trí B1 có một phần nhà tạm của ông M và bà Đ.

[3.1] Theo Mảnh trích đo địa chính số 98 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Hưng Phú đo vẽ đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 02 tháng 02 năm 2021 thì vị trí B1 do ông P đứng tên quyền sử dụng đất. Thửa đất số 97, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 915m², có nguồn gốc ông Phạm Đình P kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, hồ sơ được duyệt với diện tích 415m². Về quy trình thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đối với ông Phạm Đình P nêu trên là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, diện tích sử dụng được cấp Giấy chứng nhận khác với hồ sơ lập thủ tục cấp giấy được lưu trữ (có thể sai sót trong khâu biên tập, trình ký, phát hành Giấy chứng nhận).

[3.2] Tiếp giáp thửa đất số 97 là thửa đất số 98 và 250, thửa 98 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 662m², loại đất BHK do ông S đứng tên, ông S cho rằng ông nhận chuyển nhượng phần đất thửa 98 từ ông Lộc vào năm 1992 nhưng theo văn bản của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc số 1647 ngày 11 tháng 4 năm 2022 xác định nguồn gốc sử dụng đất của ông S là do cha mẹ để lại sử dụng từ năm 1975; đất sử dụng ổn định, không tranh chấp. Việc cấp Giấy chứng nhận đối với ông S đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 3 vào năm 2006 là đúng theo quy định của Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

[3.3] Căn cứ vào họa đồ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 98 của ông S (bút lục số 67) và mảnh trích đo số 98 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Hưng Phú đo vẽ, hình thể thửa đất do ông S chỉ ranh thì hoàn toàn khác nhau các cạnh. Như vậy, ông S trình bày ông P không có đất vị trí tiếp giáp với đất của ông S là không đúng. Các bên thừa nhận cách nay 3 – 4 năm khi ông M, bà Đ san lấp cát thì ông P có cản ngăn và bắt đầu phát sinh tranh chấp; tại phiên tòa ông S thừa nhận phần tranh chấp tại vị trí B1 là của người khác cho ông nhưng chỉ cho miệng và trước đó thấy ông P có trồng hoa màu nhưng tự ý trồng. Như vậy, ông S không có căn cứ chứng minh vị trí B1 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình và thời gian ông M, bà Đ được ông S cho đất tại vị trí B1 sử dụng từ 3-4 năm nên chưa được xem là đất sử dụng ổn định lâu dài. Nên phần đất tại vị trí B1 ông P yêu cầu ông S trả lại là có căn cứ.

[4] Từ nhận định mục [3] kháng cáo của ông S không có căn cứ chấp nhận như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST, ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[5] Chi phí xem xét thẩm định cấp phúc thẩm 2.800.000 đồng ông S phải chịu (đã nộp xong).

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông S phải chịu án phí theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; tuy nhiên ông S được miễn vì có đơn xin miễn thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Những nội dung khác trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không kháng cáo và kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 158, 175 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 170 Luật đất đai;

Căn cứ Điều 12 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình P đối với ông Phạm Văn S về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

1. Buộc ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị Y trả lại cho ông Phạm Đình P và bà Nguyễn Thị A phần đất khu B1 có diện tích 101m², thuộc một phần thửa đất số 97, tờ bản đồ số 3, loại đất CLN, đất tại xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Buộc ông Phạm Hồng M, bà Phạm Thị Ngọc Đ và cháu Phạm Ngọc Kim Y1, cháu Phạm Hồng P1 tháo dỡ, dời nhà tạm ở vị trí số 3 thuộc khu B1 để trả lại cho ông Phạm Đình P, bà A phần diện đất tại khu B1.

Tài sản trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc lập ngày 30 tháng 12 năm 2019, ngày 18 tháng 4 năm 2022; Chứng thư thẩm định giá tài sản số 89/19/03/2021/TĐG LA-BDS ngày 19 tháng 3 năm 2021 và số 81/14/04/2022/TĐG LA-BDS ngày 14 tháng 4 năm 2022 do Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức lập.

Vị trí khu B1, A theo Mảnh trích đo địa chính số 98 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Hưng Phú đo vẽ đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 02 tháng 02 năm 2021.

2. Về chi phí đo đạc, định giá và thẩm định cấp sơ thẩm là 19.400.000 đồng: Buộc ông Phạm Hồng M phải chịu là 3.900.000 đồng (đã nộp xong). Ông Phạm Đình P tự nguyện chịu 7.750.000 đồng (đã nộp xong). Ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị Y phải chịu 7.750.000 đồng, do ông Phạm Đình P đã nộp tạm ứng nên ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị Y phải hoàn trả cho ông Phạm Đình P 7.750.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị Y được miễn án phí.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định cấp phúc thẩm là 2.800.000 đồng, ông Phạm Văn S phải chịu (đã nộp xong).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn S được miễn án phí.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền